TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2019/HNGĐ-ST
Ngày 27 tháng 9 năm 2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:*Bà Lê Thị Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Túy

2. Bà Vũ Thị Ngân

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*: Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số201/2019/TLST - HNGĐ ngày 30tháng 7 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2019/QĐXX-ST ngày 12/9/2019 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1987

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn A 3, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1992

Nơi đăng ký HKTT: Thôn A 3, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; Chỗ ở: Thôn Đ, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình

(anh Đ, chị Ph đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

***- Theo đơn khởi kiện,bản tự khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn là Anh Phạm Văn Đ có yêu cầu khởi kiện và trình bày tại phiên tòa như sau*:**

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn Đ kết hôn với Chị Nguyễn Thị Ph do tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình vào ngày 06/01/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại nhà bố mẹ đẻ anh Đ ở Thôn A 3, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Vợ chồng chỉ chung sống hạnh phúc được khoảng 04 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do kinh tế khó khăn, anh chị thường xuyên bất đồng về quan điểm sống và chị Ph đã nhiều lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Anh chị đã chính thức ly thân nhau từ tháng 02/2019 đến nay, không quan tâm, hỏi han đến nhau. Nay anh Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Ph.

Về quan hệ con chung: anh Đ xác nhận anh và chị Ph có 2 con chung là Phạm Văn Đức A, sinh ngày 15/9/2013 và Phạm Văn Đăng Đ1, sinh ngày 11/12/2015. Anh Đ đề nghị Tòa án giao con Phạm Văn Đức A cho anh trực tiếp nuôi dưỡng vì hiện tại con Đức A đang ở cùng anh và học tập tại trường tiểu học xã A. Còn con Phạm Văn Đăng Đ1đề nghị Tòa án giao cho chị Ph trực tiếp nuôi dưỡng vì con Đăng Đ1 còn nhỏ và đang ở cùng chị Ph. Hai bên không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Do con Đăng Đ1 bị dị tật bàn chân và bị chẩn đoán ban đầu của cơ sở y tế là chậm phát triển, thiểu năng tuyến giáp nên anh hỗ trợ chị Ph số tiền 7.000.000 đồng (đã giao nhận tiền ngày 11/9/2019), khi nào con Đăng Đ1 được đưa đi điều trị thì anh sẽ thăm nom, hỗ trợ chi phí điều trị cho con trong khả năng của anh. Anh không đồng ý hỗ trợ số tiền 100.000.000 đồngnhư yêu cầu của chị Ph.

Về tài sản chung: Anh Đ không yêu cầu Toà án giải quyết.

***- Theo các bản tự khai, biên bản lấy lời khaibị đơn là Chị Nguyễn Thị Ph trình bày*:**

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, hoàn cảnh, điều kiện kết hôn như anh Đ trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường, đến năm 2013 khi chị sinh cháu Phạm Văn Đức A, anh Đ đã lạnh nhạt tình cảm với chị, vợ chồng xảy ra xô xát, cãi cự nhau, có lần anh Đ còn đánh đập chị. Do buồn chán nên có 02 lần chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Đ, xã Đ, huyện Q. Lần cuối cùng chị Ph về nhà bố mẹ đẻ là tháng 2/2019, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Chị Ph xác định vợ chồng tuy có mâu thuẫn nhưng vì tình nghĩa và trách nhiệm đối với con cái, chị muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con chung. Chị không đồng ý ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Anh chị có hai con chung đúng như anh Đ trình bày. Trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, chị Ph đề nghị: chị trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Văn Đăng Đ1, anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Văn Đức A. Hai bên không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và đều có quyền đi lại thăm nom con chung. Tuy nhiên do con Đăng Đ1 bị dị tật bàn chân và được bệnh viện chẩn đoán ban

đầu là chậm phát triển, thiểu năng tuyến giáp (thể hiện trong Sổtheo dõi sức khỏe trẻ em,chị Ph đã xuất trình cho Tòa án ngày 30/8/2019), chị và gia đình chưa cho con đi điều trị ở đâu vì vẫn chờ kết quả chính xác, đầy đủ từ bệnh viện, chị yêu cầu anh Đ phải hỗ trợ cho chị số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) để chị có điều kiện đưa con Đăng Đ1 đi chữa bệnh.

Về quan hệ tài sản chung: Chị Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay, Chị Nguyễn Thị Ph tự nguyện rút yêu cầu anh Đ hỗ trợ số tiền 100.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghịHội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Anh Phạm Văn Đ; chấp nhận việc anh Đ tự nguyện hỗ trợ chị Ph số tiền 7.000.000 đồng; việc chị Ph rút yêu cầu anh Đ hỗ trợ số tiền 100.000.000 đồng là tự nguyện nên đề nghị không tiếp tục đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa Anh Phạm Văn Đ và Chị Nguyễn Thị Ph là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn Chị Nguyễn Thị Ph có hộ khẩu thường trú tại thôn An Lạc 3, xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ và hiện nay đang cư trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện Q nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bị đơn, xác minh về tình trạng hôn nhân và điều kiện nuôi con của vợ chồng, vì vậy đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ tham gia phiên toà là đúng với quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của anh Đ, chị Ph được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn và chungsốngđược một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tài chính kinh tế gia đình khó khăn,vợ chồng bất đồng về quan điểm sống và đã có lần xảy ra xô xát, cãi cự nhau. Chị Ph cho rằng anh Đ lạnh nhạt tình cảm với chị, chị buồn chán nên đã hai lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Anh Đ, chị Ph đã sống ly thân từ khoảng tháng 02/2019 đến nay. Anh Đ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, chị Ph xin đoàn tụ nhưng không có biện pháp nào để hàn gắn hạnh phúc gia đình, hiện tại anh chị vẫn sống ly

thân và hoàn toàn không tìm được tiếng nói chung. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh Đ, chị Ph đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiệncủa anh Đ, xử cho anh Đ được ly hônchị Ph là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: anh Đ và chị Ph đều xác nhận vợ chồng có 2 con chung là con Phạm Văn Đức A, sinh ngày 15/9/2013 hiện nay đang ở cùng anh Đ và con Phạm Văn Đăng Đ1, sinh ngày 11/12/2015 đang ở cùng chị Ph.Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, anh Đ và chị Ph đều có nguyện vọng: anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng con Đức A, chị Ph trực tiếp nuôi dưỡng con Đăng Đ1. Hai bên không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung. Xét thấy nguyện vọng nuôi con của anh Đ và chị Ph là chính đáng, tình trạng nuôi dưỡng của hai con hiện nay cũng phù hợp với nguyện vọng của các bên đương sự và phù hợp với nội dung xác minh tại gia đình và cơ sở thôn nơi hai bên cư trú nên cần chấp nhận.

Đối với yêu cầu của chị Ph về việc buộc anh Đ hỗ trợ số tiền 100.000.000 đồng để đưa con Đăng Đ1 đi chữa bệnh. Anh Đ không nhất trí hỗ trợ đủ số tiền trên mà chỉ đồng ý hỗ trợ với mức 7.000.000 đồng. Tại phiên tòa chị Ph đã tự nguyện rút yêu cầunên Hội đồng xét xử không tiếp tục xem xét giải quyết.

Đối với số tiền 7.000.000đ(bảy triệu đồng) anh Đ tự nguyện hỗ trợ cho chị Ph để đưa con Đăng Đ1 đi khám, điều trị bệnh, hai bên đương sự đã giao nhận số tiền trên vào ngày 11/9/2019 nên cần ghi nhận.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Anh Đ, chị Ph đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Đ phải nộp án phí ly hôn sơ thẩmtheo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1.<u>Về quan hệ hôn nhân</u>: Xử cho Anh Phạm Văn Đ được ly hôn Chị Nguyễn Thị Ph.

*2.<u>Về quan hệ con chung:</u>*Xử giao Anh Phạm Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Văn Đức A, sinh ngày 15/9/2013, giao Chị Nguyễn Thị Ph trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Văn Đăng Đ1, sinh ngày 11/12/2015, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi theo quy định của pháp luật. Hai bên không phải góp tiền

cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

Ghi nhận việc anh Đ tự nguyện hỗ trợ số tiền 7.000.000đ(bảy triệu đồng) cho chị Ph để đưa con Đăng Đ1 đi khám, điều trị bệnh(hai bên đương sự đã giao nhận số tiền trên vào ngày 11/9/2019).

3.<u>Về quan hệ tài sản chung</u>: Không đặt ra để giải quyết.

4.<u>Về án phí</u>: Anh Phạm Văn Đ phải nộp 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)*án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0003978 ngày 30/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Anh Đđã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 27/9/2019./.

<u>Nơi nhận</u>:
- *VKSND tỉnh Thái Bình;*
- *VKSND huyện Quỳnh Phụ;*
- *Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;*
- *UBND xã A (nơi ĐKKH);*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, VP.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lê Thị Phượng